

CTCP Xi măng Hà Tiên 1 (HT1)

KHẢ QUAN

Dương Mỹ Thanh
Chuyên viên

Cập nhật 2015

Công nghiệp

Giá mục tiêu
(DCF)

22.300

Giá hiện tại

19.700

Tỷ lệ tăng

13,2%

Lợi suất cổ tức

0%

Tổng LN cho CĐ

13,2%

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hóa USD	290 triệu
GTGD trung bình 30 ngày USD	0,30 triệu
Sở hữu của KN/Room tối đa	6,2%
Room tối đa cho khối ngoại	49%

SL cổ phiếu lưu hành	318 triệu
SL cổ phiếu pha loãng hoàn toàn	318 triệu
Mức cao nhất 12 tháng VND	20.200
Mức thấp nhất 12 tháng VND	5.800

Cơ cấu cổ đông

VICEM	79,70%
CTCP Vận Tải Hà Tiên	0,28%
Vietcombank	0,26%
HDQT	0,22%
Khác	19,54%

Thuộc danh mục, chỉ số

FTSE VN ALL, VNI

Mô tả công ty

HT1 là công ty con lớn nhất của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) và là công ty sản xuất xi măng lớn nhất tại Việt Nam. Với lịch sử 50 năm hình thành và phát triển, Thương hiệu Hà Tiên với biểu tượng con kỳ lân xanh là thương hiệu rất nổi tiếng đối với người dân sinh sống ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, HT1 luôn là công ty dẫn đầu tại thị trường xi măng miền Nam với 30% thị phần và sở hữu vị thế vô cùng thuận lợi so với các công ty xi măng khác.

Diễn biến tương đối của giá cổ phiếu HT1 so với chỉ số VNI



Tăng giá mục tiêu do doanh số tốt hơn dự kiến và đồng EUR giảm giá

- Chúng tôi nâng giá mục tiêu lên 22.300 đồng theo điều chỉnh tăng dự báo EPS 2015 thêm 18%.
- Chúng tôi nâng dự báo doanh số bán xi măng cho năm 2015 lên 5,3 triệu tấn do kết quả năm 2014 tốt hơn dự kiến.
- Chúng tôi cũng hạ giá định chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá cho các khoản nợ bằng EUR của HT1, khi đồng EUR tiếp tục mất giá và lãi suất đang có xu hướng tích cực cho công ty.

Chúng tôi nâng giá mục tiêu từ 18.000 đồng lên 22.300 đồng và giữ nguyên khuyến nghị **KHẢ QUAN**. Mức giá này cao hơn 13,2% so với mức giá hiện tại. Giá mục tiêu 22.300 đồng cho thấy PER 2015 là 13 lần so với EPS dự phóng 1.675 đồng, tăng 72% so với 2014. Dự báo tăng trưởng kép hàng năm của EPS trong 3 năm là 25%. Giá trị doanh nghiệp/EBITDA của HT1 trong năm 2015 là 6,8 lần, so với mức 10 lần của các cổ phiếu xi măng khác trong khu vực.

KQLN Quý 4 cho thấy hoạt động sản xuất hoàn toàn phục hồi sau sự cố lò nung clinker bị tạm dừng trong Quý 2. Tính riêng Quý 4, HT1 đã bán trên 1,35 triệu tấn clinker, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2013. Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh 16,2% trong Quý 3 lên 24,1% trong Quý 4 vì công ty có thể hoàn toàn tự cung cấp clinker để sản xuất xi-măng.

Trong năm 2014, HT1 bán ra 4,9 triệu tấn xi măng (so với dự báo của chúng tôi là 4,7 triệu tấn). Như vậy, sản lượng xi măng bán ra năm 2014 tăng 12% so với năm 2013, trong khi mức tăng năm 2013 là 5,5% và năm 2012 là 4,3%. Hiệp hội Xi măng Việt Nam (VNCA) cũng cho biết sản lượng xi măng bán ra cả nước lên đến 50 triệu tấn, tăng 10% so với năm 2013, so với mức tăng 3% năm 2013. Trong khi đó, hoạt động xây dựng tiếp tục được đẩy mạnh tại miền Nam, thị trường chính của HT1 với 30% thị phần, (đặc biệt là TP. HCM) nơi có tăng trưởng theo ước tính của VNCA gần 12%.

Đồng Euro tiếp tục suy yếu sẽ có lợi cho HT1 vì 35% nợ dài hạn của công ty là bằng Euro. Kể từ khi chúng tôi công bố báo cáo cập nhật gần đây nhất (10/2014), giá trị đồng Euro đã giảm 5% so với tiền đồng Việt Nam và theo phân tích độ nhạy của chúng tôi, đồng Euro giảm giá 1% so với tiền đồng Việt Nam (áp dụng tỷ giá chéo thông qua đồng USD), dự báo lợi nhuận của chúng sẽ tăng khoảng 3%. Khảo sát của Bloomberg cho thấy trong năm 2015 đồng euro bình quân sẽ giảm giá 2,5% so với đồng USD.

Các chỉ số chính	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
Doanh thu (tỷ VND)	5.824	6.369	6.758	7.616	8.109
LN ròng sau thuế (tỷ VND)	9	3	309	533	726
EPS pha loãng hoàn toàn (VND)	47	13	971	1.675	2.285
Tăng trưởng EPS (%)	N/A	-79,0	N/M	72,6	36,4
Biên LN gộp (%)	23,2%	22,4%	19,7%	22,7%	23,4%
Biên LN từ HĐKD (%)	14,6%	15,9%	12,6%	15,9%	16,7%
Biên LN ròng sau thuế (%)	0,2%	0,0%	4,6%	7,0%	9,0%
GTĐN / EBITDA	10,3	8,8	8,9	6,4	5,3
Giá / Dòng tiền tự do theo giá thị trường	9,4	6,4	5,1	4,6	4,1
PE theo giá thị trường	422,4	2475,1	20,3	11,8	8,6
PB theo giá thị trường	1,7	1,3	1,5	1,3	1,1
ROA (%)	0,1%	0,0%	2,4%	4,3%	6,0%
ROE (%)	0,5%	0,1%	8,9%	13,3%	15,5%
Nợ/CSH (%)	535%	257%	194%	141%	95%

Báo cáo Tài chính

Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015E	2016E	Tỷ đồng	2012A	2013A	2014A	2015F	2016F
KQLN						Bảng CĐKT					
Doanh thu thuần	5.824	6.369	6.758	7.616	8.109	Tiền và tương đương	190	202	219	152	162
- Giá vốn hàng bán	-4.474	-4.939	-5.424	-5.887	-6.212	Đầu tư TC ngắn hạn	4	5	36	36	36
Lợi nhuận gộp	1.350	1.430	1.334	1.729	1.897	Các khoản phải thu	261	376	497	563	600
- Chi phí bán hàng	-393	-302	-321	-350	-373	Hàng tồn kho	951	986	959	1.041	1.098
- Chi phí quản lý DN	-109	-113	-164	-168	-170	TS ngắn hạn	201	104	15	15	15
LN thuần HDKD	848	1.014	848	1.211	1.354	Tổng TS ngắn hạn	1.608	1.673	1.726	1.808	1.911
- (Lỗ) / lợi tỷ giá	-109	-270	70	-62	-42	TS dài hạn (gộp)	14.334	14.509	14.769	14.969	15.219
- Lợi nhuận khác	84	34	0	3	3	- Khấu hao lũy kế	-2.859	-3.459	-4.070	-4.761	-5.476
EBIT	823	779	918	1.152	1.314	TS dài hạn (ròng)	11.475	11.050	10.699	10.209	9.743
- Chi phí lãi vay	-822	-773	-523	-469	-406	Đầu tư TC dài hạn	28	56	56	56	56
Lợi nhuận trước thuế	2	5	396	683	908	TS dài hạn khác	203	341	181	181	181
- Thuế TNDN	8	-3	-87	-150	-182	Tổng TS dài hạn	11.706	11.447	10.936	10.446	9.980
LNST	9	3	309	533	726	Tổng Tài sản	13.314	13.120	12.662	12.253	11.891
- Lợi ích CĐTS	0	0	0	0	0	Phải trả ngắn hạn	820	1.071	1.020	1.107	1.168
LNST cổ đông CT Mẹ	9	3	309	533	726	Nợ ngắn hạn	2.603	2.498	2.110	1.899	1.838
						Phải trả ngắn hạn khác	515	629	717	752	801
EBITDA	1.337	1.628	1.487	1.902	2.069	Nợ ngắn hạn	3.938	4.197	3.847	3.758	3.807
SL CP lưu hành (triệu)	198	318	318	318	318	Vay và nợ dài hạn	7.490	5.726	5.097	4.182	3.003
SL CP pha loãng hoàn toàn (triệu)	198	202	318	1.668	2.198	Phải trả dài hạn khác	0	0	0	0	0
EPS	47	8	971	1.675	2.285	Tổng nợ dài hạn	7.490	5.726	5.097	4.182	3.003
EPS pha loãng hoàn toàn	47	13	971	1.675	2.285	Tổng nợ	11.429	9.923	8.944	7.941	6.810
Tăng trưởng						Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Tăng trưởng doanh thu	10,3	9,4	6,1	12,7	6,5	Thặng dư	71	71	71	71	71
Tăng trưởng LN HDKD	-17,1	19,5	-16,3	42,8	11,7	Vốn cổ phần	1.980	3.180	3.180	3.180	3.180
Tăng trưởng EBIT	3,6	-5,4	17,9	25,4	14,1	Lợi nhuận giữ lại	-165	-54	467	1.062	1.831
Tăng trưởng EPS	N/A	-79,0	N/M	72,6	36,4	Lợi ích CĐTS	0	0	0	0	0
Khả năng sinh lợi						Vốn chủ sở hữu	1.886	3.197	3.718	4.312	5.081
Biên LN gộp %	23,2	22,4	19,7	22,7	23,4	Tổng cộng nguồn vốn	13.314	13.120	12.662	12.253	11.891
Biên LN từ HĐ %	14,6	15,9	12,6	15,9	16,7	Dòng tiền					
EBIT %	14,1	12,2	13,6	15,1	16,2	Tiền đầu năm	132	190	202	219	152
EBITDA %	23,0	25,6	22,0	25,0	25,5	Lợi nhuận sau thuế	9	3	309	533	726
Biên LN ròng %	0,2	0,0	4,6	7,0	9,0	Khấu hao	-486	617	639	691	716
ROE %	0,5	0,1	8,9	13,3	15,5	Thay đổi vốn lưu động	260	270	-51	62	42
ROA %	0,1	0,0	2,4	4,3	6,0	Điều chỉnh khác	37	297	100	-26	16
Chỉ số hiệu quả vận hành						Tiền từ hoạt động KD	792	1.187	997	1.259	1.500
Số ngày tồn kho	90,5	71,6	65,4	62,0	62,8	Chi mua sắm TSCĐ	-646	-319	-161	-200	-250
Số ngày phải thu	16,2	18,3	23,6	25,4	26,2	Đầu tư	7	6	-26	0	0
Số ngày phải trả	97,7	69,9	70,3	66,0	66,9	Tiền từ HĐ đầu tư	-640	-313	-186	-200	-250
TG luân chuyển tiền	9,0	20,0	18,7	21,4	22,2	Cổ tức đã trả	0	0	0	0	0
Thanh khoản						Tăng (giảm) vốn	0	0	0	0	0
CS thanh toán hiện hành	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5	Tăng (giảm) nợ ngắn/dài hạn	-94	-856	-1.016	-1.126	-1.240
CS thanh toán nhanh	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	Tiền từ hoạt động TC	-94	-856	-794	-1.126	-1.240
CS thanh toán tiền mặt	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	Tổng lưu chuyển tiền tệ	58	12	17	-67	10
Nợ/Tài sản	0,8	0,6	0,6	0,5	0,4	Tiền cuối năm	190	202	219	152	162
Nợ/Vốn sử dụng	0,8	0,7	0,7	0,6	0,5						
Nợ/Vốn CSH	5,4	2,6	1,9	1,4	1,0						
Khả năng thanh toán lãi vay	1,0	1,0	1,8	2,5	3,2						

Nguồn: Báo cáo tài chính của HT1, dự báo của VCSC

Kết quả lợi nhuận

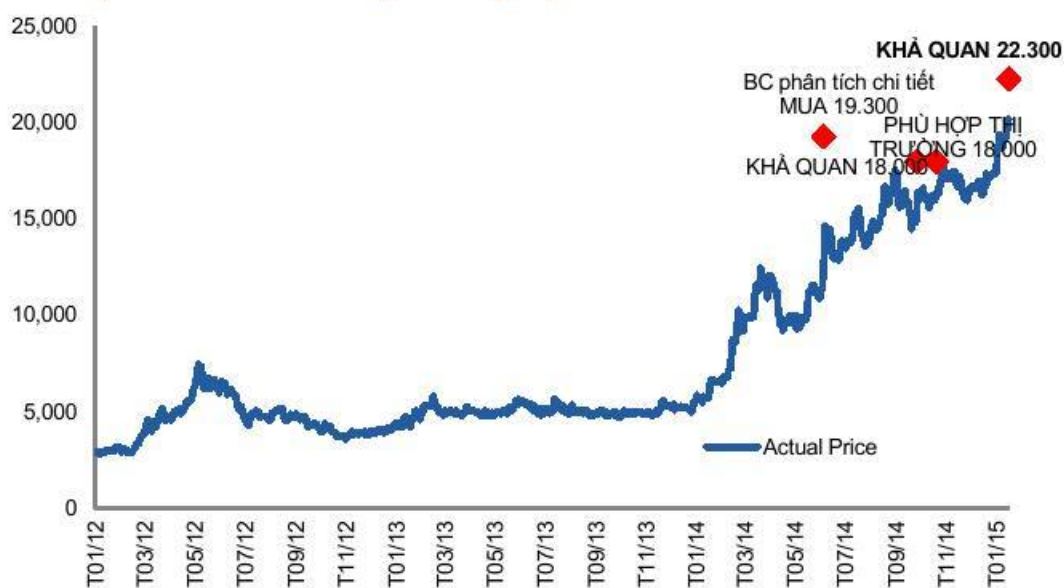
2015E	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD	Mục tiêu của HT1	Dự báo của VCSC
Doanh thu	1.619	2.001	1.926	2.070	7.616	NA	7.616
<i>Clinker</i>	269	101	201	101	671	NA	671
<i>Xi măng</i>	1.316	1.866	1.690	1.935	6.806	NA	6.806
<i>Khác</i>	35	35	35	35	138	NA	138
Biên lợi nhuận gộp	357	475	415	483	1.729	NA	1.729
<i>Clinker</i>	48	18	36	18	110	NA	110
<i>Xi măng</i>	320	467	389	475	1.662	NA	1.662
<i>Khác</i>	-10	-10	-10	-10	-42	NA	-42
LN ròng sau thuế	NA	NA	NA	NA	NA	NA	306
Biên LN ròng sau thuế (%)	NA	NA	NA	NA	NA	NA	24,0%
EPS	NA	NA	NA	NA	NA	NA	2.723

2014	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD	Mục tiêu của HT1	Dự báo của VCSC
Doanh thu	1.578	1.727	1.599	1.853	6.758	7020	6.679
<i>Clinker</i>	301	44	20	77	443	NA	465
<i>Xi măng</i>	1.242	1.664	1.542	1.731	6.179	NA	6.033
<i>Khác</i>	36	19	36	45	136	NA	181
Biên lợi nhuận gộp	341	287	259	447	1.334	NA	1.283
<i>Clinker</i>	58	2	-3	14	70	NA	72
<i>Xi măng</i>	280	321	262	435	1.298	NA	1.211
<i>Khác</i>	2	-36	0	-2	-36	NA	1
LN ròng sau thuế	2	11	78	218	309	16	168
Biên LN ròng sau thuế (%)	0,2%	0,6%	4,9%	11,7	4,6	0,0	2,5
EPS	6	35	245	685	971	50	528

Tổng quan Dự báo KQLN năm 2015 do VCSC đưa ra

	Thực tế năm 2014	Dự báo cũ cho 2015	Dự báo mới cho 2015	YoY % (So với dự báo mới)	Ghi chú
Doanh thu	6.758	7.325	7.616	4,0%	
Xi măng	6.179	6.388	6.806	6,5%	Nâng dự báo tăng trưởng doanh số xi măng lên 8% từ 5% (tăng trưởng năm 2014 là 12%)
Clinker	443	753	671	(10,9%)	
Khác	136	184	138	(25%)	
Lợi nhuận gộp	1.334	1.674	1.729	5,0%	
Xi măng	1.298	1.550	1.662	1,2%	
Clinker	70	129	110	(10,1%)	
Khác	(36)	(5)	(42)	N/M	
Chi phí bán hàng	(321)	(352)	(350)	(0,6%)	
Chi phí quản lý DN	(164)	(168)	(168)	(0,0%)	
Khấu hao lợi thế thương mại	(46)	(46)	(46)	0,0%	
Lợi nhuận từ hoạt động	848	1.154	1.211	4,9%	
Lợi nhuận ngoài hoạt động	(46)	(85)	(62)	(27,1%)	
Lỗ tỷ giá (Phân bổ)	(208)	0	0		
Lãi/lỗ tỷ giá (VND trượt/tăng giá)	70	(85)	(62)	(27,1%)	Giả định tiền đồng Việt Nam trượt giá 3% so với Euro thay vì 5% như giả định trước đây
EBIT	918	1.070	1.152	7,7%	
Chi phí lãi vay	(523)	(490)	(469)	(4,3%)	Lãi suất thấp sẽ khiến chi phí lãi vay tiếp tục giảm
Lợi nhuận trước thuế	396	579	683	18,0%	
Lợi nhuận sau thuế	309	452	533	18,0%	
LN ròng sau thuế (sau khi trả lợi ích cổ đông thiểu số)	309	452	533	18,0%	
EBITDA	1.487	1.839	1.902	3,4%	
<i>Biên LN gộp %</i>	19,7%	22,9%	22,7%		
<i>Biên LN gộp của xi măng %</i>	21,1%	24,3%	24,4%		
<i>Biên LN gộp của clinker %</i>	15,8%	17,1%	16,3%		
<i>Biên LN gộp của SP khác %</i>	-26,5%	-2,9%	-0,5%		
<i>Chi phí bán hàng/doanh thu (%)</i>	4,8%	-4,8%	-4,6%		
<i>Chi phí quản lý DN/doanh thu (%)</i>	2,4%	-2,3%	-2,2%		
<i>Biên LN từ hoạt động %</i>	12,1%	15,8%	15,9%		
<i>Biên EBIT %</i>	13,6%	14,6%	15,1%		
<i>Biên EBITDA %</i>	22,0%	25,1%	25,0%		
<i>Biên LN ròng sau thuế %</i>	4,6%	6,2%	7,0%		
<i>Thuế suất thực tế %</i>	22%	22,0%	22,0%		

Giá mục tiêu và khuyến nghị VCSC đã đưa ra



Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Dương Mỹ Thanh, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 20%
KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Nếu giá mục tiêu cao hoặc thấp hơn giá thị trường 10%
KÉM KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 10%-20%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 20%
KHÔNG KHUYẾN NGHỊ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, ví dụ như khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn M&A hay tư vấn chiến lược nào đó liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu này bị hoãn lại vì chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Giá mục tiêu: Trong hầu hết trường hợp, giá mục tiêu sẽ tương ứng với đánh giá của chuyên viên phân tích về giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu. Giá mục tiêu là mức giá cổ phiếu nên được giao dịch ở hiện tại nếu thị trường đồng ý quan điểm của chuyên viên phân tích và có những yếu tố xúc tác cần thiết để tạo ra sự thay đổi nhận thức trong thời hạn nhất định. Tuy nhiên, nếu chuyên viên phân tích tin rằng trong thời hạn xác định sẽ không có tin tức, sự kiện hoặc yếu tố thúc đẩy cần thiết để cổ phiếu có thể đạt đến giá trị hợp lý thì giá mục tiêu có thể khác với giá trị hợp lý. Vì thế, trong hầu hết trường hợp, khuyến nghị của chúng tôi chỉ là đánh giá sự chưa phù hợp giữa giá thị trường hiện tại và giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu theo quan điểm của chúng tôi.

Phương pháp định giá: Để xác định giá mục tiêu, chuyên viên phân tích có thể sử dụng nhiều phương pháp định giá khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do và định giá so sánh. Việc lựa chọn phương pháp tùy thuộc vào từng ngành, công ty, tính chất cổ phiếu và nhiều yếu tố khác. Kết quả định giá có thể dựa trên một hoặc kết hợp nhiều phương pháp sau: 1) **Định giá dựa trên nhiều chỉ số** (P/E, P/CF, EV/doanh thu, EV/EBIT, EV/EBITA, EV/EBITDA), so sánh nhóm công ty và dựa vào số liệu quá khứ; 2) **Mô hình chiết khấu** (DCF, DVMA, DDM); 3) **Phương pháp tính tổng giá trị các thành phần** hoặc các phương pháp định giá dựa vào tài sản; và 4) **Phương pháp định giá sử dụng lợi nhuận kinh tế** (Lợi nhuận thặng dư, EVA). Các mô hình định giá này phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, lãi suất, tỷ giá, nguyên liệu với các giả định khác về nền kinh tế cũng như những rủi ro vốn có trong công ty đang xem xét. Ngoài ra, tâm lý thị trường cũng có thể ảnh hưởng đến việc định giá công ty. Quá trình định giá còn căn cứ vào những kỳ vọng có thể thay đổi nhanh chóng mà không cần thông báo, tùy vào sự phát triển riêng của từng ngành.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

www.vcsc.com.vn

Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều
Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ
Quận 1, TP. HCM
+84 8 3914 3588

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 4 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Giám đốc

Vũ Thanh Tú
tu.vu@vcsc.com.vn

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 8 3914 3588
research@vcsc.com.vn

Trưởng phòng, Ngô Hoàng Long
Trưởng phòng, Nguyễn Đức Tuấn
CV cao cấp, Đặng Văn Pháp
Chuyên viên, Ngô Đăng Quế
Chuyên viên, Dương Mỹ Thanh
Chuyên viên, Nguyễn Thảo Vy

Chuyên viên, Nguyễn Thị Anh Đào
Chuyên viên, Văn Đình Vỹ
Chuyên viên, Trần Minh Đức
Chuyên viên, Nguyễn Ngọc Hoàng Hải
Chuyên viên, Văn Đình Phong
Chuyên viên, Ngô Thùy Trâm
CV PTKT cao cấp, Nguyễn Thế Minh

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Tổ chức nước ngoài

Michel Tosto, M. Sc.
+84 3914 3588, ext 102
michel.tosto@vcsc.com.vn

Tổ chức trong nước

Nguyễn Quốc Dũng
+84 3914 3588, ext 136
dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Tp. Hồ Chí Minh

Châu Thiên Trúc Quỳnh
+84 8 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vcsc.com.vn

Hà Nội

Nguyễn Huy Quang
+84 4 6262 6999, ext 312
quang.nguyen@vcsc.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.